

Ngày: 02/11/2025

(Đề thi có 4 trang)

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 7218

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1.** Việc thiết lập khu vực thương mại tự do đóng vai trò nào sau đây trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế?

- A. Hạn chế đầu tư nước ngoài để bảo vệ thị trường nội địa.
- B. Tạo ra hàng rào thuế quan cao đối với hàng hóa từ bên ngoài khu vực.
- C. Tăng cường sự cạnh tranh nội địa và giảm thiểu sự hợp tác quốc tế.
- D. Giảm thuế quan và rào cản thương mại giữa các quốc gia thành viên.

Câu 2. Hỗ trợ người dân tiếp cận với các chính sách như: giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch ở mức tối thiểu là nội dung của chính sách an sinh xã hội nào sau đây?

- A. Chính sách trợ giúp xã hội.
- B. Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản.
- C. Chính sách đảm bảo thu nhập bình quân.
- D. Chính sách bảo hiểm xã hội.

Câu 3. Chỉ số phát triển con người, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều và hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập thuộc chỉ tiêu nào sau đây của phát triển kinh tế?

- A. Thu nhập bình quân.
- B. Chuyển dịch cơ cấu.
- C. Tăng trưởng kinh tế.
- D. Tiến bộ xã hội.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây **không phải** là vai trò của bảo hiểm?

- A. Góp phần hình thành lối sống tiết kiệm trên phạm vi toàn xã hội.
- B. Góp phần ổn định tài chính, đảm bảo an toàn cho các khoản đầu tư.
- C. Góp phần tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp trong nền kinh tế.
- D. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho cuộc sống con người trước mọi rủi ro.

Câu 5. Mục đích cuối cùng và toàn diện nhất của hệ thống An sinh xã hội là

- A. giúp ngành bảo hiểm thương mại thu hút được vốn đầu tư lớn.
- B. bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội.
- C. thể hiện sự đóng góp của người lao động vào ngân sách quốc gia.
- D. đảm bảo mọi cá nhân đều có một công việc tạo ra thu nhập cao.

Câu 6. Một trong những cơ sở để các quốc gia thực hiện hội nhập kinh tế khu vực là

- A. sự phụ thuộc của thể chế chính trị.
- B. sự tương đồng về văn hóa, xã hội.
- C. sự khác biệt về lợi ích phát triển.
- D. sự tương đồng về tốc độ gia tăng dân số.

Câu 7. Sự thỏa thuận giữa các bên tham gia nhằm xóa bỏ hầu hết hàng rào thuế quan và phi thuế quan nhưng vẫn duy trì chính sách thuế quan riêng của mỗi bên đối với các nước ngoài hiệp định là thể hiện hội nhập kinh tế quốc tế ở mức độ nào sau đây?

- A. Hiệp định thương mại tự do.
- B. Liên minh kinh tế.
- C. Thỏa thuận thương mại ưu đãi.
- D. Thị trường chung.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây là **sai** về vai trò của an sinh xã hội?

- A. Góp phần đảm bảo công bằng xã hội.
- B. Duy trì ổn định xã hội, tạo động lực cho phát triển kinh tế – xã hội.
- C. Phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong cộng đồng, xã hội.
- D. Kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Câu 9. Trong hệ thống an sinh xã hội, chính sách trợ giúp xã hội **không** bao gồm việc làm nào sau đây?

- A. Trợ cấp cho người khuyết tật nặng.
- B. Hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin y tế.
- C. Hỗ trợ thường xuyên cho người cao tuổi.

D. Trợ cấp xã hội đột xuất do thiên tai.

Câu 10. An sinh xã hội là hệ thống các chính sách do chủ thể nào sau đây thực hiện?

A. Tổ chức xã hội và mạnh thường quân.

B. Các tổ chức phi chính phủ.

C. Công ty bảo hiểm tư nhân.

D. Nhà nước và các lực lượng xã hội.

Câu 11. Một trong những chỉ tiêu thể hiện sự khác biệt giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế là

A. tổng sản phẩm quốc nội.

B. tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người.

C. thu nhập quốc dân bình quân đầu người.

D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 12. Hành động nào dưới đây thể hiện sự kết hợp thúc đẩy phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường?

A. Đầu tư vào công nghiệp nặng bất chấp ô nhiễm môi trường.

B. Tăng cường sản xuất công nghiệp bằng cách sử dụng nhiều hóa chất độc hại.

C. Mở rộng khai thác tài nguyên thiên nhiên không kiểm soát.

D. Ứng dụng công nghệ năng lượng sạch trong sản xuất và đời sống.

Câu 13. Loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia bảo hiểm được quyền lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với tài chính và thu nhập của mình được gọi là

A. bảo hiểm xã hội tự nguyện.

B. bảo hiểm xã hội thương mại.

C. bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

D. bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Câu 14. Việt Nam tham gia Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu năm 2019 là hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp độ nào sau đây?

A. Hội nhập kinh tế đa cực.

B. Hội nhập kinh tế song phương.

C. Hội nhập kinh tế toàn cầu.

D. Hội nhập kinh tế khu vực.

Câu 15. Việc làm nào sau đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

A. Chấp hành quy tắc công cộng.

B. Chia đều các nguồn thu nhập.

C. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

D. Bảo trợ hoạt động truyền thông.

Câu 16. Công dân Việt Nam muốn hưởng chế độ hưu trí, chế độ tử tuất thì phải tham gia loại hình bảo hiểm nào sau đây?

A. Bảo hiểm thương mại.

B. Bảo hiểm thất nghiệp.

C. Bảo hiểm y tế.

D. Bảo hiểm xã hội.

Câu 17. Tỷ trọng sản lượng ngành công nghiệp trong GDP tăng từ 33,02% năm 2010 lên 38,17% năm 2022; tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm từ 73,2% năm 1990 xuống 27,5 % năm 2022 phản ánh chỉ tiêu nào trong phát triển kinh tế ở Việt Nam?

A. Sự thay đổi về chỉ số bất bình đẳng trong xã hội.

B. Sự thay đổi về chỉ số đói nghèo giữa các tầng lớp xã hội.

C. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại.

D. Có sự thay đổi về chỉ số phát triển con người.

Câu 18. Chỉ tiêu nào sau đây dùng để so sánh kết quả tăng trưởng kinh tế và thước đo mức sống của người dân giữa các quốc gia?

A. GNI.

B. GDP.

C. GDP/người.

D. GNI/người.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 19, 20

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2023, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 52,4 triệu người, tăng 666,5 nghìn người so với năm 2022; tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là 68,9%, tăng 0,3 điểm phần trăm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 27%, tăng 0,6 điểm phần trăm. Năm 2023, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội của cả nước đạt khoảng 39,25% so với lực lượng lao động trong độ tuổi. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 31,58% lực lượng lao động. Đặc biệt, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế phát triển bền vững hàng năm và tiệm cận mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân: từ 91,01% dân số (năm 2021), lên 93,35% (năm 2023) với trên 93,307 triệu người tham gia... Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 ước đạt 4,95 triệu đồng/người/tháng, tăng 5,9% so với năm 2022. Tỷ lệ nghèo tiếp cận đa chiều (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) ước khoảng 3,2%, giảm 1 điểm phần trăm so với năm 2022.

(<https://consosukien.vn/thanh-tuu-an-sinh-xa-hoi-khong-de-ai-bi-bo-lai-phia-sau-ngay-7-2-2024.htm>)

Câu 19. Trong thông tin trên, loại hình bảo hiểm nào **không** được đề cập đến?

A. Bảo hiểm xã hội.

B. Bảo hiểm thương mại.

C. Bảo hiểm y tế.

D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 20. Từ những số liệu trong thông tin trên, nhận định nào sau đây **không** là nội dung của chính sách bảo hiểm, an sinh xã hội của nước ta?

A. Có 31,58% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp sẽ được bù đắp một phần thu nhập, hỗ trợ học nghề khi bị mất việc làm.

B. Năm 2023, có trên 93,307 triệu người tham gia bảo hiểm y tế đều sẽ được chi trả, bù đắp toàn bộ chi phí khám chữa bệnh.

C. Năm 2023, tỉ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội của cả nước đạt khoảng 39,25% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

D. Tỉ lệ nghèo tiếp cận đa chiều (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) ước khoảng 3,2%, giảm 1 điểm phần trăm so với năm 2022 thể hiện hiệu quả của chính sách hỗ trợ thu nhập và giảm nghèo.

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi 21, 22, 23, 24

Từ khi Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam năm 1995, quan hệ thương mại giữa Việt Nam - Hoa Kỳ đã tăng 275 lần, từ 450 triệu USD năm 1995, tăng lên 124 tỉ USD vào năm 2023. Tính chung trong 9 tháng năm 2024, trị giá xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt trị giá 88,16 tỉ USD, tăng 25,6% (tương ứng tăng tới 17,96 tỉ USD) so với cùng kỳ năm trước và chiếm 29,4% trong tổng trị giá xuất khẩu của cả nước. Hoa Kỳ hiện là nhà đầu tư nước ngoài đứng thứ 11/108 quốc gia đầu tư tại Việt Nam với tổng số 1.340 dự án, tổng số vốn đầu tư 11,8 tỉ USD. Ngược lại, Việt Nam có 230 dự án đầu tư tại Hoa Kỳ với tổng số vốn 1,3 tỉ USD. Trong đó có những tập đoàn lớn như: FPT, VinFast.

Câu 21. Hoạt động kinh tế đối ngoại giữa Việt Nam và Hoa kỳ được thể hiện trong thông tin trên là

A. thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế.

B. dịch vụ thu ngoại tệ và đầu tư quốc tế.

C. thương mại quốc tế và dịch vụ thu ngoại tệ.

D. thỏa thuận thương mại tự do và đầu tư quốc tế.

Câu 22. Lợi nhuận mà các doanh nghiệp Việt Nam như FPT, VinFast đạt được khi đầu tư sang Hoa kỳ sẽ được tính vào chỉ số tăng trưởng kinh tế nào dưới đây của của Việt Nam?

A. Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người.

B. Tổng sản phẩm quốc nội.

C. Tổng thu nhập quốc dân.

D. Thu nhập quốc dân.

Câu 23. Việc Việt Nam hợp tác kinh tế quốc tế với Hoa kỳ thể hiện cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế nào dưới đây?

A. Cấp độ toàn cầu.

B. Cấp độ song phương.

C. Cấp độ đa phương.

D. Cấp độ khu vực.

Câu 24. Việc Việt Nam có quan hệ thương mại với Hoa kỳ đã đem lại lợi ích nào sau đây?

A. Tách biệt mối quan hệ kinh tế.

B. Thu hẹp thị trường xuất, nhập khẩu.

C. Mở rộng thị trường xuất khẩu.

D. Giảm nguy cơ cạnh tranh.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Doanh nghiệp M có ông X là giám đốc, chị T là nhân viên. Sau 2 năm làm việc, chị T mang thai và sinh đôi. Căn cứ vào thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, chị T đề nghị ông X cho mình được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản gấp đôi người sinh một con nhưng ông X không đồng ý. Bức xúc với quyết định của ông X, đồng thời không thu xếp được công việc gia đình, chị T đã xin thôi việc tại doanh nghiệp M.

a) Khi tham gia bảo hiểm xã hội, chị T được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi sức khỏe khi không may gặp tai nạn hoặc bệnh tật.

b) Sau khi nghỉ việc tại doanh nghiệp M, chị T có thể tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

c) Theo quy định chế độ thai sản, chị T sinh đôi nên được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản gấp đôi người sinh một con.

d) Khi chị T nghỉ việc, ông X phải chốt thời gian đóng bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho chị T.

Câu 2. Kể từ ngày 01/7/2024 mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng là 2.789.000 đồng, các mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân được điều chỉnh tăng 35,7% cơ bản đời sống của người có công và nhân thân đã được cải thiện đáng kể. Thông qua các nguồn lực xã hội hóa, cả nước đã vận động được trên 610 tỷ đồng để hỗ trợ xây mới gần 4.000 nhà

tình nghĩa, sửa chữa gần 3.400 nhà tình nghĩa với tổng kinh phí trên 338 tỷ đồng; tặng trên 6.400 sổ tiết kiệm với kinh phí trên 15 tỷ đồng; đến thời điểm hiện nay, có 2.412 Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các đơn vị nhận chăm sóc, phụng dưỡng suốt đời (Quỹ Đền ơn đáp nghĩa các cấp).

Nguồn: <https://molisa.gov.vn/baiviet/242713>

a) Theo thông tin Nhà nước đã trích hơn 610 tỷ đồng từ ngân sách để chăm sóc, phụng dưỡng suốt đời 2.412 Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

b) Theo thông tin, Chính phủ đã đảm bảo được mức sống cao cho 35,7% gia đình người có công.

c) Thông tin đề cập tới chính sách an sinh xã hội của nước ta.

d) Mức chuẩn trợ cấp ưu đãi cho người có công 2.789.000 đồng thuộc chính sách dịch vụ xã hội cơ bản trong hệ thống an sinh xã hội.

Câu 3. Việt Nam và Hàn Quốc đã trở thành đối tác quan trọng hàng đầu của nhau. Hàn Quốc là đối tác lớn nhất về đầu tư trực tiếp (FDI) với 87 tỉ USD vốn đăng ký tính đến tháng 4/2024, chiếm 18,25% tổng vốn FDI vào Việt Nam. Kim ngạch thương mại song phương năm 2023 đạt 76,1 tỉ USD. Trong 4 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu giữa 2 nước đạt 25,5 tỉ USD, tăng 4% so với cùng kỳ 2023. Hàn Quốc có mối quan hệ rất sâu rộng với Việt Nam, không chỉ là đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu mà cũng là nước có đông đảo người Việt Nam sinh sống, lao động và học tập với 250.000 người. Ngược lại, cộng đồng người Hàn Quốc tại Việt Nam có hơn 150.000 người. Cộng đồng hai nước có nhiều đóng góp vào phát triển KT-XH và đóng vai trò cầu nối hữu nghị cho quan hệ hai nước.

a) Trong 4 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu giữa 2 nước đạt 25,5 tỉ USD, tăng 4% so với cùng kỳ 2023 cho thấy đây là hoạt động đầu tư quốc tế hiệu quả.

b) Thông tin trên đề cập đến hình thức hội nhập kinh tế song phương giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

c) Thu nhập của người lao động Việt Nam tại Hàn Quốc được tính vào tổng thu nhập quốc dân của Hàn Quốc.

d) Lực lượng lao động người Việt Nam đang làm việc tại Hàn Quốc có vai trò tạo nguồn thu ngoại tệ trong hoạt động kinh tế đối ngoại, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Câu 4. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, GDP ước tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước, tương đương với mức tăng bình quân của GDP 9 tháng giai đoạn 5 năm trước dịch Covid-19 (2015 - 2019); trong đó, riêng quý III/2024 tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 5,66% của quý I/2024 và 6,93% của quý II/2024. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,20%, đóng góp 5,37% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,19%, đóng góp 46,22%; khu vực dịch vụ tăng 6,95%, đóng góp 48,41%.

a) Tổng sản phẩm quốc nội GDP quý II/2024 tăng 6,93% chính là thước đo sản lượng quốc gia, đánh giá mức độ hoạt động của nền kinh tế nước ta.

b) Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024 vượt mức tăng bình quân của GDP 9 tháng giai đoạn 5 năm trước dịch Covid-19 (2015 – 2019).

c) Thông tin trên đã thể hiện cơ cấu kinh tế của Việt Nam đang chuyển dịch theo hướng tích cực và hiện đại.

d) Tốc độ tăng trưởng quý III/2024 là tỷ lệ phần trăm tăng lên của tổng sản phẩm trong nước so với quý IV/2023.

----- **HẾT** -----

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	B	D	D	B	B	A	D	B	D	D	D
1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2
3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4
A	D	C	D	C	D	B	B	A	C	B	C

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
S-Đ-	S-S-	S-Đ-	Đ-S-
S-Đ	Đ-S	S-Đ	Đ-S